

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/10/2019

V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phong

2. Ông Thông Văn Đá

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2019, về việc: “Tranh chấp về ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa ông Nguyễn Văn B. Vắng mặt bà Võ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2019, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông và bà Võ Thị T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày

10/3/1993 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 852 ngày 10/3/1993 của UBND xã Hàm Chính. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở xã Hàm Chính, vợ chồng sống hạnh phúc tới tháng 10/1993 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông bị bệnh không đủ sức khỏe để lao động, kinh tế khó khăn nên ông và bà T thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có quan tâm chia sẻ cho nhau nên dần dần tạo ra khoảng cách, hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Kể từ tháng 10/1993 đến nay bà T bỏ ông đi về nhà cha mẹ đẻ ở thôn Thắng Hòa, xã Hàm Thắng cho tới nay, thời gian đầu ông có níu kéo bà T quay về hòa thuận chung sống với nhau nhưng bà T không chịu về, từ đó hai vợ chồng sống ly thân nhau tới nay không ai quan tâm tới ai, mạnh ai nấy sống. Nay xét thấy hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 20 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Võ Thị T

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị T không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng đều vắng mặt. Theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn B. Ông Nguyễn Văn B được ly hôn bà Võ Thị T. Về con chung: Ông B và bà T không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn bà Võ Thị T. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn bà Võ Thị T có địa chỉ tại thôn Thắng Hòa, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Võ Thị T tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, bà đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ bà Võ Thị T tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Võ Thị T.

[3] Về nội dung:

[3.a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Chính huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 10/3/1993 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 852 ngày 10/3/1993 của UBND xã Hàm Chính, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, do tính cách của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau nên thường xảy ra cãi vã, hai vợ chồng chỉ sống chung với nhau được một thời gian ngắn tới tháng 10/1993 thì bà T bỏ gia đình về nhà cha mẹ để ở xã Hàm Thắng sống, từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm gì đến nhau. Từ khi ly thân đến nay, bà Võ Thị T không quan tâm gì đến gia đình, không còn tha thiết gì với hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, bà T cố tình lẫn tránh, không hợp tác, không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn B kiên quyết ly hôn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông Nguyễn Văn B xin ly hôn với bà Võ Thị T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.b] Về con chung: Ông Nguyễn Văn B xác định ông và bà T không có con chung.

[3.c] Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bà Võ Thị T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều

271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn B.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Võ Thị T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn B và bà Võ Thị T không có con chung.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0026817 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Ông Nguyễn Văn B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà Võ Thị T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/10/2019). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- UBND xã(Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Hôn